

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNCTECH
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.318.077.696	373.082.475.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.039.974.287	9.821.472.684
1. Tiền	111		3.039.974.287	8.387.280.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.434.192.075
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	226.149.275.732	235.771.576.533
1. Chứng khoán kinh doanh	121		172.047.800.000	172.047.800.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.101.475.732	63.723.776.533
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.027.850.392	71.332.113.989
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.369.320.576	25.035.184.412
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.012.507.194	9.016.993.203
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	44.746.022.622	39.379.936.374
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		43.100.977.285	56.157.311.973
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	28.716.029.209	41.830.152.419
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		14.384.948.076	14.327.159.554
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.644.155.521.125	1.612.423.191.371
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.027.153.120	30.027.153.120
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	30.027.153.120	30.027.153.120
II. Tài sản cố định	220		10.392.879.759	11.013.876.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.880.379.730	9.363.876.794
- Nguyên giá	222		18.697.951.166	18.697.951.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.817.571.436)	(9.334.074.372)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.512.500.029	1.650.000.028
- Nguyên giá	228		7.553.400.000	7.553.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.040.899.971)	(5.903.399.972)
III. Bất động sản đầu tư	240	12	9.590.133.736	9.647.895.562
- Nguyên giá	241		11.090.270.588	11.090.270.588
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.500.136.852)	(1.442.375.026)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		31.119.003.000	16.003.203.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	13	31.119.003.000	16.003.203.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	6	1.529.585.016.359	1.510.135.016.359
1. Đầu tư vào Công ty con	261		1.266.987.095.993	1.266.987.095.993
2. Đầu tư vào Công ty liên kết	262		243.084.045.585	243.084.045.585
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		49.250.000.000	29.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	265		(29.736.125.219)	(29.736.125.219)
VI. Tài sản dài hạn khác	270		33.441.335.151	35.596.046.508
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	33.441.335.151	35.596.046.508
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		1.971.473.598.821	1.985.505.666.550

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		805.989.953.250	889.408.751.640
I. Nợ ngắn hạn	310		698.405.359.045	779.094.290.715
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	46.218.920.407	53.716.404.306
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	43.447.497.524	39.243.350.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	150.248.534	2.721.345.964
4. Phải trả người lao động	315		2.068.273.516	2.572.071.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	28.414.068.246	63.310.465.281
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	18	43.754.348.333	61.221.609.252
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	19	259.630.513.046	259.612.188.045
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20	274.721.489.439	296.696.856.638
II. Nợ dài hạn	330		107.584.594.205	110.314.460.925
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	18	15.719.964.644	18.177.207.654
2. Phải trả dài hạn khác	338	19	35.599.947.408	35.599.947.408
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	21	56.264.682.153	56.537.305.863
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.165.483.645.571	1.096.096.914.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.165.483.645.571	1.096.096.914.910
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		916.000.000.000	916.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		916.000.000.000	916.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.600.000.000	127.600.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		121.883.645.571	52.496.914.910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		52.496.914.910	7.083.095.928
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		69.386.730.661	45.413.818.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.971.473.598.821	1.985.505.666.550

Lê Thu Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 17 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	26.127.945.129
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	26.127.945.129
3. Giá vốn hàng bán	11	24	20.844.071.474
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.283.873.655
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	91.404.161.255
6. Chi phí tài chính	23	27	10.677.777.433
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		
7. Chi phí bán hàng	25	28	986.093.085
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.727.090.430
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		72.297.073.962
10. Thu nhập khác	31		-
11. Chi phí khác	32		2.910.343.301
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.910.343.301)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.386.730.661
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		69.386.730.661

Lê Thu Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 17 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.386.730.661
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư và phân bổ tiền thuê đất	02	678.758.889
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(91.404.161.255)
Chi phí lãi vay	06	10.677.777.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.660.894.272)
Thay đổi các khoản phải thu	09	28.303.697.006
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(40.825.527.949)
Thay đổi chi phí trả trước	12	44.061.973.129
Tiền lãi vay đã trả	14	(45.005.338.562)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.133.518.403)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	5.795.885.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.463.723.259)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.842.514.555)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19.450.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	90.411.754.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69.519.240.125

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	51.950.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(108.787.015.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.837.015.263)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(6.781.498.397)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.821.472.684
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	3.039.974.287

Lê Thu Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 17 tháng 4 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CNCTech (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CNC Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0106839469 ngày 06 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Hà Nội) cấp. Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất là lần thứ 22 vào ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Công ty trở thành công ty đại chúng từ ngày 26 tháng 12 năm 2025 theo Công văn số 9337/UBCK-GSĐC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 1, tòa nhà Vista, số 4/15 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 72 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 61 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; và
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư tài chính, thương mại và cho thuê nhà xưởng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
a) Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	Thành phố Hồ Chí Minh	99,00%	99,00%	Sản xuất công nghiệp và cho thuê nhà xưởng
2	Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	Ninh Bình	98,00%	98,00%	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi
3	Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	Phú Thọ	94,28%	94,28%	Sản xuất công nghiệp và cho thuê nhà xưởng
4	Công ty Cổ phần CNCTech Global	Bắc Ninh	92,00%	92,00%	Xây dựng và cho thuê nhà xưởng
5	Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	Phú Thọ	79,49%	79,49%	Xây dựng và cho thuê nhà xưởng
6	Công ty Cổ phần Arts Group	Phú Thọ	54,13%	54,13%	Sản xuất gia công thiết bị dụng cụ y tế
7	Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI (i)	Phú Thọ	48,00%	51,00%	Đầu tư tài chính
b) Công ty con gián tiếp					
1	Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Bắc Ninh	57,17%	94,02%	Cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	Thành phố Hồ Chí Minh	92,69%	98,32%	Sản xuất công nghiệp
3	Công ty Cổ phần SMCTech	Phú Thọ	58,28%	61,82%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Công nghiệp ASV	Phú Thọ	48,08%	51,00%	Thương mại
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ BGL	Bắc Ninh	57,17%	100%	Cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa
c) Công ty liên kết trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	Phú Thọ	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO	Hà Nội	49,00%	49,00%	Sản xuất, gia công thiết bị điện tử viễn thông
3	Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	Hà Nội	35,14%	35,14%	Nghiên cứu, thiết kế và sản xuất máy chuyên dụng
4	Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	Thành phố Hồ Chí Minh	24,02%	24,02%	Sản xuất gia công linh kiện dầu khí
d) Công ty liên kết gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Thiết bị Hàng không Vũ trụ CNCTech	Phú Thọ	39,84%	42,26%	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty không trình bày số liệu so sánh cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do chưa có nghĩa vụ lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 ngày 03 tháng 2025.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con trong một báo cáo khác. Người đọc cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của toàn Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu, các khoản cho vay và các loại chứng khoán nợ khác và không được phân loại là tương đương tiền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận

được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

Phần mềm máy tính	<u>Số năm</u> 4 - 10
-------------------	-------------------------

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	<u>Số năm</u> 48
------------------------	---------------------

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê nhà xưởng, chi phí thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước, chi phí thuê đất trả trước thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.039.974.287	8.387.280.609
Các khoản tương đương tiền (i)	-	1.434.192.075
	<u>3.039.974.287</u>	<u>9.821.472.684</u>

- (i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh		
Mua nợ của Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương (i)	172.047.800.000	172.047.800.000
	172.047.800.000	172.047.800.000

- (i) Phản ánh số tiền mua lại các khoản nợ tín dụng của Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương (“Bên nợ”) tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (“Vietinbank”) theo các hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty và Vietinbank.

Các khoản mua lại bao gồm toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ của Vietinbank đối với Bên nợ, quyền xử lý tài sản bảo đảm và các quyền, lợi ích khác có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc quyền sở hữu của Vietinbank. Sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ theo hợp đồng với Vietinbank thì Công ty là chủ nợ của Công ty Cổ phần ĐTK và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương. Các khoản nợ này được Bên nợ thế chấp bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (của cá nhân và tổ chức), giá trị vốn góp của Công ty Cổ phần ĐTK và một số cá nhân vào tổ chức khác và các tài sản khác.

Công ty đã ký thỏa thuận nguyên tắc ngày 23 tháng 6 năm 2023 với Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc (bên liên quan) về việc chuyển nhượng quyền đòi nợ của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương kèm theo tài sản thế chấp là 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương cho Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc. Công ty đã nhận tiền đặt cọc theo thỏa thuận này

Theo Biên bản thỏa thuận số 251010/BBTT-CNCTech-MKHitek ngày 20 tháng 12 năm 2025 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ cao MK (cổ đông lớn của Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc), Công ty cam kết các nội dung theo thỏa thuận sẽ tiếp tục được thực hiện và sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý, tài chính, hình thành giá vốn đầu vào của tài sản chuyển nhượng từ việc đấu giá mua nợ, tài sản gắn liền đất và các tài sản, chi phí hợp lý, hợp lệ có liên quan khác để chuyển nhượng lại quyền đòi nợ theo thỏa thuận.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.442.514.555	-
Các khoản cho vay	49.473.507.495	53.338.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương (i)</i>	22.823.507.495	31.438.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ (ii)</i>	13.000.000.000	13.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Arts Group (ii)</i>	8.000.000.000	6.400.000.000
<i>Bà Vũ Thị Minh Ngọc</i>	-	2.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc (ii)</i>	650.000.000	500.000.000
<i>Ông Tạ Văn Hưng (iii)</i>	5.000.000.000	-
Lãi tiền gửi, cho vay	3.185.453.682	10.385.776.533
	54.101.475.732	63.723.776.533

Trong đó:

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)

- (i) Khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương vay theo các hợp đồng vay giữa 2 bên, với thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm.
- (ii) Khoản Công ty cho các công ty con, công ty liên kết của Công ty vay theo các hợp đồng cho vay, với lãi suất từ 12%/năm đến 18%/năm (năm 2025: từ 12%/năm đến 18%/năm). Các khoản cho vay này không có tài sản bảo đảm.
- (iii) Khoản Công ty cho Ông Tạ Văn Hưng vay theo hợp đồng vay giữa 2 bên, với thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm.

Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	349.770.000.000	-	(i)	349.770.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	239.084.826.951	-	(i)	239.084.826.951	-	(i)
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	161.859.769.042	(14.417.668.605)	(i)	161.859.769.042	(14.417.668.605)	(i)
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	139.500.000.000	-	(i)	139.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	137.200.000.000	-	(i)	137.200.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần CNCTech Global	135.600.000.000	-	(i)	135.600.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Arts Group	55.022.500.000	-	(i)	55.022.500.000	-	(i)
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	48.950.000.000	-	(i)	48.950.000.000	-	(i)
	1.266.987.095.993	(14.417.668.605)		1.266.987.095.993	(14.417.668.605)	
b) Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	125.000.000.000	(62.374.058)	(i)	125.000.000.000	(62.374.058)	(i)
Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO	56.586.065.585	-	(i)	56.586.065.585	-	(i)
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	43.233.800.000	(15.256.082.556)	(i)	43.233.800.000	(15.256.082.556)	(i)
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	18.264.180.000	-	(i)	18.264.180.000	-	(i)
	243.084.045.585	(15.318.456.614)		243.084.045.585	(15.318.456.614)	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Công nghệ cao Yên Lạc	19.450.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Vija	13.500.000.000	-	(i)	13.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Clusters	8.800.000.000	-	(i)	8.800.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần MK Vision	7.500.000.000	-	(i)	7.500.000.000	-	(i)
	49.250.000.000	-		29.800.000.000	-	

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	2.439.402.240	10.614.252.380
Công ty Cổ phần Arts Group	7.050.000.000	7.050.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	-	6.612.013.696
Khác	879.918.336	758.918.336
	10.369.320.576	25.035.184.412

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Đặt cọc mua cổ phần (i)	26.132.627.260	24.132.627.260
Chi phí giải phóng mặt bằng trả trước (ii)	13.534.432.003	13.534.432.003
Phải thu ngắn hạn khác	5.078.963.359	1.712.877.111
	44.746.022.622	39.379.936.374

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác với các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

b. Dài hạn

Đặt cọc thuê nhà xưởng	28.613.289.312	28.613.289.312
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	17.675.868.672	17.675.868.672
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	7.032.342.240	7.032.342.240
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vietland	3.905.078.400	3.905.078.400
Phải thu dài hạn khác	1.413.863.808	1.413.863.808
	30.027.153.120	30.027.153.120

Trong đó:

Phải thu dài hạn khác với các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

- (i) Phản ánh khoản Công ty đặt cọc cho bà Vũ Thị Minh Ngọc để mua cổ phần của bà Vũ Thị Minh Ngọc tại Công ty Cổ phần ĐTK theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa 2 bên.
- (ii) Phản ánh khoản Công ty trả tiền cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Tam Dương (nay là Ban Quản lý dự án xã Hội Thịnh) cho Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ.

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà xưởng trả trước	28.714.500.511	41.770.057.969
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.528.698	60.094.450
	28.716.029.209	41.830.152.419
b) Dài hạn		
Chi phí thuê nhà xưởng trả trước	21.794.127.262	23.903.236.354
Chi phí thuê đất trả trước	10.923.928.487	11.005.046.768
Chi phí trả trước dài hạn khác	723.279.402	687.763.386
	33.441.335.151	35.596.046.508

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	17.731.314.622	966.636.544	18.697.951.166
Số dư cuối kỳ	17.731.314.622	966.636.544	18.697.951.166
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	8.720.292.463	613.781.909	9.334.074.372
Khấu hao trong kỳ	447.237.246	36.259.818	483.497.064
Số dư cuối năm	9.167.529.709	650.041.727	9.817.571.436
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	9.011.022.159	352.854.635	9.363.876.794
Tại ngày cuối kỳ	8.563.784.913	316.594.817	8.880.379.730

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	7.553.400.000
Số dư cuối kỳ	7.553.400.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	5.903.399.972
Khấu hao trong kỳ	137.499.999
Số dư cuối năm	6.040.899.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	1.650.000.028
Tại ngày cuối kỳ	1.512.500.029

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	11.090.270.588
Số dư cuối kỳ	<u>11.090.270.588</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	1.442.375.026
Khấu hao trong kỳ	57.761.826
Số dư cuối kỳ	<u>1.500.136.852</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>9.647.895.562</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>9.590.133.736</u>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty là sàn văn phòng của dự án “Tổ hợp văn phòng, thương mại, dịch vụ, nhà trẻ và căn hộ” tại Khu Đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Mua sắm tài sản cố định	31.119.003.000	16.003.203.000
	<u>31.119.003.000</u>	<u>16.003.203.000</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	27.774.458.514	29.692.077.861
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	-	17.603.523.300
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Xây dựng Intech	8.843.064.000	-
Các nhà cung cấp khác	9.601.397.893	6.420.803.145
	46.218.920.407	53.716.404.306

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Intech Robotics	34.593.350.000	34.243.350.000
Ông Ngô Hùng Tín	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam	3.854.147.524	-
	43.447.497.524	39.243.350.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	352.272.968	647.032.805	999.305.773	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.518.403	-	1.133.518.403	-
Thuế thu nhập cá nhân	629.660.639	862.355.906	1.341.768.011	150.248.534
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	605.893.954	-	605.893.954	-
	2.721.345.964	1.509.388.711	4.080.486.141	150.248.534

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay phải trả	28.106.268.246	63.002.665.281
Chi phí phải trả khác	307.800.000	307.800.000
	28.414.068.246	63.310.465.281

Trong đó:

Chi phí phải trả ngắn hạn với các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

18. DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Tiền nhận trước cho thuê nhà xưởng ngắn hạn	43.330.587.006	58.880.992.997
Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam	40.327.662.176	55.655.720.074
Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm	2.928.808.800	2.928.808.800
Công ty TNHH RCE-VINA	74.116.030	296.464.123
Tiền nhận trước khác	423.761.327	2.340.616.255
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	423.761.327	1.745.294.819
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	-	418.104.926
Công ty Cổ phần CNCTech Global	-	177.216.510
	43.754.348.333	61.221.609.252

Trong đó:

Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn với các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

b) Dài hạn

Tiền nhận trước cho thuê nhà xưởng dài hạn	15.719.964.644	18.177.207.654
Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam	15.719.964.644	18.177.207.654
	15.719.964.644	18.177.207.654

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh (i)	249.800.000.000	249.800.000.000
Nhận đặt cọc chuyển nhượng, cho thuê văn phòng	5.521.200.000	5.521.200.000
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Thái Sơn</i>	<i>5.451.200.000</i>	<i>5.451.200.000</i>
<i>Công ty TNHH RCE-VINA</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Phải trả các cá nhân ủy quyền góp vốn (ii)	4.104.925.000	4.104.925.000
Phải trả ngắn hạn khác	204.388.046	186.063.045
	259.630.513.046	259.612.188.045

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)

b) Dài hạn

Nhận đặt cọc cho thuê nhà xưởng	35.599.947.408	35.599.947.408
<i>Công ty TNHH Accton Technology Việt Nam</i>	<i>31.206.734.208</i>	<i>31.206.734.208</i>
<i>Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm</i>	<i>4.393.213.200</i>	<i>4.393.213.200</i>
	35.599.947.408	35.599.947.408

- (i) Khoản tiền Công ty nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc (bên liên quan) theo Thỏa thuận nguyên tắc ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa 2 bên về việc chuyển nhượng quyền đòi nợ của Công ty tại Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương kèm theo tài sản thế chấp là 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương. Theo thỏa thuận này, quyền đòi nợ được chuyển giao một phần từ Công ty sang Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và tương ứng với giá trị đặt cọc.
- (ii) Khoản tiền nhận từ các cá nhân ủy quyền cho Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO (bên liên quan).

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn không là bên liên quan	7.146.361.798	7.146.361.798	5.795.885.792	4.484.391.553	8.457.856.037	8.457.856.037
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (i)	7.146.361.798	7.146.361.798	5.795.885.792	4.484.391.553	8.457.856.037	8.457.856.037
b) Vay ngắn hạn từ bên liên quan (ii)	288.460.000.000	288.460.000.000	80.743.138.562	104.030.000.000	265.173.138.562	265.173.138.562
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	111.520.000.000	111.520.000.000	5.500.000.000	23.200.000.000	93.820.000.000	93.820.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	79.910.000.000	79.910.000.000	6.050.000.000	20.250.000.000	65.710.000.000	65.710.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	70.000.000.000	70.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Global	18.230.000.000	18.230.000.000	30.400.000.000	46.000.000.000	2.630.000.000	2.630.000.000
Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster	8.800.000.000	8.800.000.000	-	-	8.800.000.000	8.800.000.000
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	-	-	28.793.138.562	4.580.000.000	24.213.138.562	24.213.138.562
c) Vay dài hạn đến hạn trả	1.090.494.840	1.090.494.840	272.623.710	272.623.710	1.090.494.840	1.090.494.840
Ngân hàng thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình	273.999.996	273.999.996	68.499.999	68.499.999	273.999.996	273.999.996
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	816.494.844	816.494.844	204.123.711	204.123.711	816.494.844	816.494.844
	296.696.856.638	296.696.856.638	86.811.648.064	108.787.015.263	274.721.489.439	274.721.489.439

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

(i) Theo hợp đồng tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, khoản vay ngắn hạn có hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức tối đa 12 tháng đến hết ngày 13 tháng 8 năm 2026, cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn được quy định trên giấy nhận nợ, từ 7%/năm đến 7,5%/năm trong Quý I 2026 (năm 2025: từ 7%/năm đến 7,5%/năm), lãi vay được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba (bất động sản của Bà Nguyễn Phương Nga - Phó Tổng Giám đốc Công ty) để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Các khoản Công ty vay từ các công ty con, công ty liên kết và bên liên quan của Công ty theo các hợp đồng vay ngắn hạn, thời gian vay tối đa không quá 12 tháng, cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Lãi suất của các khoản vay trong Quý I 2026 là từ 5%/năm đến 12%/năm (năm 2025: từ 5%/năm đến 12%/năm). Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
a) Vay dài hạn không là bên liên quan	6.627.800.703	6.627.800.703	-	272.623.710	6.355.176.993
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (i)	5.171.134.023	5.171.134.023	-	204.123.711	4.967.010.312
Công ty Cổ phần Công nghệ Tứ Hồ (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (iii)	456.666.680	456.666.680	-	68.499.999	388.166.681
b) Vay dài hạn từ bên liên quan	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam (iv)	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000
	57.627.800.703	57.627.800.703	-	272.623.710	57.355.176.993
Trong đó:					
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.090.494.840	1.090.494.840			1.090.494.840
- Số phải trả sau 12 tháng	56.537.305.863	56.537.305.863			56.264.682.153

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

- (i) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc, khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 6.000.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, cho mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô của Công ty. Lãi suất khoản vay trong Quý I 2026 là 7,9%/năm (năm 2025: 7,9%/năm), lãi vay được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay (xe ô tô) để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ Tứ Hồ, khoản vay dài hạn có số dư là 1.000.000.000 VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2030 theo Phụ lục số PL01/1605/2025 ngày 15 tháng 8 năm 2025. Lãi suất khoản vay Quý I/ 2026 là 12%/năm, lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iii) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình, khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 1.370.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, cho mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô của Công ty. Lãi suất khoản vay trong Quý I/2026 là 11,3%/năm (năm 2025: 11.3%/năm), lãi vay được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay (xe ô tô) để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Theo hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam (bên liên quan), khoản vay dài hạn có số dư là 51.000.000.000 VND. Thời gian vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2030 theo các phụ lục hợp đồng ký trong năm 2025, cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Lãi suất khoản vay quý I năm 2026 là 12%/năm (năm 2025: 12%/năm), lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Các khoản vay dài hạn có lịch trả nợ như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	1.090.494.840	1.090.494.840
Trong năm thứ hai	930.661.529	999.161.528
Từ năm thứ ba đến ngày đáo hạn	55.334.020.624	55.538.144.335
	57.355.176.993	57.627.800.703
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.090.494.840	1.090.494.840
Số phải trả sau 12 tháng	56.264.682.153	56.537.305.863

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	916.000.000.000	127.600.000.000	7.683.095.928	1.051.283.095.928
Lợi nhuận trong năm	-	-	45.413.818.982	45.413.818.982
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư đầu năm nay	916.000.000.000	127.600.000.000	52.496.914.910	1.096.096.914.910
Số dư đầu kỳ này	916.000.000.000	127.600.000.000	52.496.914.910	1.096.096.914.910
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	69.386.730.661	69.386.730.661
Số dư cuối kỳ này	916.000.000.000	127.600.000.000	121.883.645.571	1.165.483.645.571

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 22 ngày 13 tháng 8 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 916.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Hùng	451.599.670.000	49,30	451.599.670.000	49,30
Ông Tang Wing Fong Terry	94.806.140.000	10,35	94.806.140.000	10,35
Công ty Cổ phần Công nghệ cao MK	76.333.330.000	8,33	76.333.330.000	8,33
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	45.800.000.000	5,00	45.800.000.000	5,00
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư TAT	45.800.000.000	5,00	45.800.000.000	5,00
Các đối tượng khác	201.660.860.000	22,02	201.660.860.000	22,02
	916.000.000.000	100	916.000.000.000	100

Cổ phiếu		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		91.600.000	91.600.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		91.600.000	91.600.000
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.			
23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê và dịch vụ cung cấp		24.332.717.129	
Doanh thu bán hàng hóa		1.795.228.000	
		<u>26.127.945.129</u>	
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)			
24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP			<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Giá vốn cho thuê và dịch vụ cung cấp		19.070.814.084	
Giá vốn hàng hóa đã bán		1.773.257.390	
		<u>20.844.071.474</u>	
25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ			<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân công		8.970.999.256	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư và phân bổ tiền thuê đất		678.758.889	
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.495.492.638	
Chi phí khác bằng tiền		2.567.932.732	
		<u>13.713.183.515</u>	
26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Lãi từ cổ tức		89.440.689.909	
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu		1.963.471.346	
		<u>91.404.161.255</u>	
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)			

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này
	VND
Chi phí lãi vay	10.677.777.433
	10.677.777.433
Trong đó:	
Chi phí tài chính với các bên liên quan	
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)	

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này
	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	717.493.085
Chi phí bán hàng khác	268.600.000
	986.093.085
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	
Chi phí nhân viên quản lý	8.707.399.256
Chi phí đồ dùng văn phòng	164.044.588
Chi phí khấu hao tài sản cố định	678.758.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	777.999.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.398.888.144
	12.727.090.430

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần CNCTech Global	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn FSI	Công ty con
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần SMCTech	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ cao CNC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Arts Group	Công ty con
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Các Hệ thống Viễn thông VINECO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH FSI Holdings	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư CLI	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Phát triển Nam Bình Xuyên Green Park	Công ty liên quan đến người quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.916.854.928
Công ty Cổ phần CNCTech Global	177.216.510
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	1.321.533.492
Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc	418.104.926
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.773.257.390
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	1.773.257.390
Mua cổ phần/Góp vốn	19.450.000.000
Công ty Cổ phần khu công nghiệp Công nghệ cao Yên Lạc	19.450.000.000
Đi vay	80.743.138.562
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	5.500.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	10.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	6.050.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Global	30.400.000.000
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	28.793.138.562
Trả nợ vay	104.030.000.000
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	4.580.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	23.200.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Global	46.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	20.250.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	10.000.000.000
Cho vay	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Arts Group	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	650.000.000
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	150.000.000
Thu hồi cho vay	9.264.492.505
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	9.264.492.505
Cổ tức được chia	89.440.689.909
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	23.568.895.725
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	19.871.794.184
Công ty Cổ phần CNCTech Global	46.000.000.000
Lãi cho vay	1.748.570.960
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	947.957.261
Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Việt Mỹ	576.986.302
Công ty Cổ phần Arts Group	223.627.397

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.050.000.000
Công ty Cổ phần Arts Group	7.050.000.000
Phải thu dài hạn khác	26.038.108.594
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	19.005.766.354
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	7.032.342.240
Phải trả người bán ngắn hạn	31.854.976.647
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	27.774.458.514
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	4.080.518.133
Chi phí phải trả ngắn hạn	27.795.144.955
Công ty Cổ phần VinaStartup Vĩnh Phúc	193.662.071
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	16.961.976.986
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	5.744.994.115
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam	1.109.041.098
Công ty Cổ phần CNCTech Global	1.553.141.917
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	2.232.328.768
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	423.761.327
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	423.761.327
Phải trả ngắn hạn khác	249.800.000.000
Công ty Cổ phần MKC Vĩnh Phúc	249.800.000.000
Vay ngắn hạn	265.173.138.562
Công ty Cổ phần CNCTech Thăng Long	93.820.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Hà Nam	65.710.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Bình Dương	70.000.000.000
Công ty Cổ phần CNCTech Global	2.630.000.000
Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Green Cluster	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc	24.213.138.562

Vay dài hạn
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ & CNC Việt Nam



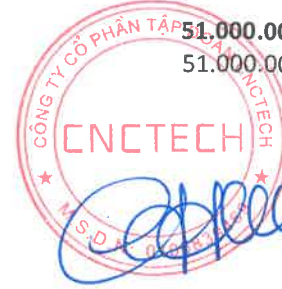
Lê Thu Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Số cuối kỳ

VND

51.000.000.000

51.000.000.000



Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 17 tháng 4 năm 2026

